TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **01/2020/DS-ST**	*Bắc Kạn, ngày 05 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cà Nguyễn Duyên

Ông Vi Thanh Cầm

Căn cứ vào các điều 212, 213; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1 Điều 218; Điều 235; khoản 2 Điều 244 và Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 8 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 11/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2019 về Tranh chấp quyền sử dụng đất

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội

QUYẾT ĐỊNH

1.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ông Nông Văn T

Địa chỉ: Thôn P, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

1.2. Bị đơn: Ông Hoàng Mạnh H

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.3.1.Ông Nông Minh T

1.3.2. Bà Nguyễn Thị H

1.3.3. Bà Triệu Thị C

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Nông Minh T, bà Nguyễn Thị H, bà Triệu Thị C:* Nông Văn T; Cùng địa chỉ: Thôn P, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

1.3.4. Bà Triệu Thị V

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

1.3.5. Anh Hoàng Văn V

1.3.6. Chị Nông Thị Hoài T

Cùng địa chỉ: Thôn P, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

1.3.7. Ủy ban nhân dân huyện N, người đại diện theo ủy quyền là ông Hoàng Văn T - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác định ranh giới thửa đất số 226, tờ bản đồ 38, được Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 842683, ngày 18/12/2006 cho ông Nông Văn T và bà Triệu Thị C và thửa đất số 507, tờ bản đồ số 43, được Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 764991, ngày 29/12/2014 cho ông Hoàng Mạnh H và bà Triệu Thị V cụ thể như sau: Ranh giới giữa hai thửa đất là mép ngoài móng đá nhà ông Nông Văn T. Cách xác định mép ngoài móng đá nhà ông T (ranh giới) như sau: Đo từ tường nhà của ông T sang phía thửa đất của ông H 30cm, kéo từ đằng trước nhà ra đằng sau nhà đến hết thửa đất nhà ông T tạo thành đường thẳng song song với tường nhà ông T, cách tường nhà ông T 30cm.

2.2. Tài sản trên thửa đất 507 là nhà xây cấp 4 của ông Hoàng Mạnh H và bà Triệu Thị V có 01 bên tường nằm trên móng đá nhà ông Nông Văn T với chiều rộng 10cm, sâu 13,4m. Hai bên thống nhất nhà xây cấp 4 của ông H và bà V để nguyên hiện trạng sử dụng, nhưng không được xây dựng thêm tầng, nếu xây dựng thêm tầng nhà thì phải lùi lại móng ra khỏi móng nhà ông T, trả lại đất cho ông T để đảm bảo kết cấu nhà của hai bên.

2.3. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện N chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 842683, ngày 18/12/2006 cấp cho ông Nông Văn T và bà Triệu Thị C và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 764991, ngày 29/12/2014 cấp cho ông Hoàng Mạnh H và bà Triệu Thị V theo ranh giới hai thửa đất các đương sự đã thỏa thuận.

2.4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nông Văn T về việc rút yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 764991, ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho ông Hoàng Mạnh H và bà Triệu Thị V thửa đất số 507, tờ bản đồ số 43. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết lại vụ án đối với yêu cầu này.

2.5. Đình chỉ yêu cầu xem xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nông Minh T và ông Hoàng Mạnh H của ông Nông Minh T, do người đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Nông Văn T đã rút yêu cầu này.

Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết lại vụ án đối với yêu cầu này theo quy định.

2.6. Về án phí: Nguyên đơn ông Nông Văn T tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 06701 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

2.7. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Các bên đương sự đã tự thỏa thuận giải quyết xong.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Hoa

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (2);
- Các đương sự (9);
- TAND cấp cao tại Hà Nội (1);
- THADS (1);
- Lưu Hồ sơ vụ án (1);
- Lưu HCTP (3).